



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
XÂY DỰNG THỦY LỢI II**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	01 - 02
Báo cáo kiểm toán độc lập	03 - 04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2015	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	08 - 09
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 30

101
NG
BỆM
M T
T.
106

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy Lợi II (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy Lợi II được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0300566614 ngày 29 tháng 12 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 28 tháng 11 năm 2015.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 169 Trần Quốc Thảo, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Vốn đầu tư và vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 42.000.000.000 VND.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Bùi Hữu Quỳnh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Tiến	Phó Chủ tịch
Bà Ngô Thu Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Trọng Bào	Thành viên
Ông Trần Hữu Thành	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Phạm Hải Sơn	Trưởng ban
Ông Quấn Xuân Bình	Thành viên
Bà Võ Thị Thanh Thúy	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Bùi Hữu Quỳnh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc kiêm GD Kinh Doanh
Ông Hồ Hữu Nhấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc kiêm GD KCS
Ông Trần Văn Hiến	Phó Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thu Hương	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc *Leung*



Số: 16.182/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng Thủy Lợi II (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2016 từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy Lợi II vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG XUÂN CẢNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0067-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN



HUỲNH THỊ THIỆN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2825-2015-026-1



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		185.854.172.255	168.420.558.802
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	56.862.278.171	63.045.403.519
1. Tiền	111		8.398.790.310	4.437.403.519
2. Các khoản tương đương tiền	112		48.463.487.861	58.608.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	43.450.000.000	19.300.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		43.450.000.000	19.300.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		65.487.784.909	58.406.041.185
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	48.926.885.048	27.511.126.781
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.052.483.082	2.237.110.257
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	24.676.762.519	36.363.179.467
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(10.168.345.740)	(7.705.375.320)
IV. Hàng tồn kho	140		18.532.831.925	26.931.285.786
1. Hàng tồn kho	141	5.6	18.532.831.925	26.931.285.786
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.521.277.250	737.828.312
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		421.029.704	737.828.312
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.100.247.546	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		79.350.634.438	78.788.568.112
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		30.567.000	62.567.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		30.567.000	30.567.000
2. Phải thu dài hạn khác	216		-	32.000.000
II. Tài sản cố định	220		19.320.067.438	15.037.938.721
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	15.213.477.984	13.406.974.176
- Nguyên giá	222		35.801.621.730	29.945.113.775
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.588.143.746)	(16.538.139.599)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	4.106.589.454	1.630.964.545
- Nguyên giá	228		4.106.589.454	1.630.964.545
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	3.588.062.391
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	3.588.062.391
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	60.000.000.000	60.100.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		60.000.000.000	60.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	100.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		265.204.806.693	247.209.126.914

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THÙY LỢI II

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		177.767.654.069	168.777.573.442
I. Nợ ngắn hạn	310		123.739.895.629	114.699.815.002
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	32.335.393.532	13.174.643.237
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		51.010.389.569	74.043.865.524
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	2.608.842.812	2.877.536.342
4. Phải trả người lao động	314		8.068.312.000	7.716.456.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	24.918.338.516	14.628.182.167
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.13	3.585.026.234	995.225.181
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.213.592.966	1.263.906.551
II. Nợ dài hạn	330		54.027.758.440	54.077.758.440
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.9	54.027.758.440	54.077.758.440
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.14	87.437.152.624	78.431.553.472
I. Vốn chủ sở hữu	410		87.437.152.624	78.431.553.472
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		42.000.000.000	42.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.000.000.000	42.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		20.825.815.842	17.674.043.873
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		4.200.000.000	4.079.965.775
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.411.336.782	14.677.543.824
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	14.677.543.824
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		20.411.336.782	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		265.204.806.693	247.209.126.914

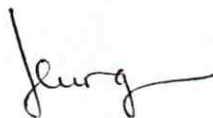
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ THU HOÀI

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGÔ THU HƯƠNG

THỦY LỢI II
THÀNH ĐỐI HỮU QUỲNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	226.809.363.154	146.811.952.241
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		226.809.363.154	146.811.952.241
3. Giá vốn hàng bán	11	6.2	184.827.617.835	115.277.460.859
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		41.981.745.319	31.534.491.382
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	5.307.790.355	5.085.602.410
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	21.004.347.627	17.722.813.872
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26.285.188.047	18.897.279.920
8. Thu nhập khác	31		100.000.000	-
9. Chi phí khác	32		100.000.000	-
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.285.188.047	18.897.279.920
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	5.873.851.265	4.219.736.096
12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20.411.336.782	14.677.543.824
13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		4.374	3.285
14. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		4.374	3.285

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





NGUYỄN THỊ THU HOÀI

NGÔ THU HƯƠNG

BÙI HỮU QUỲNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		26.285.188.047	18.897.279.920
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		4.050.004.147	2.691.955.947
Các khoản dự phòng	03		5.052.771.473	1.516.262.977
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(68.689.282)	(10.122.040)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.239.101.073)	(5.075.480.370)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		30.080.173.312	18.019.896.434
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.835.208.054	(12.916.788.456)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		8.398.453.861	(5.953.150.326)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		6.088.831.250	7.398.549.845
Tăng giảm chi phí trả trước	12		316.798.608	170.300.293
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.511.014.356)	(3.763.291.284)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		5.064.441.244	64.293.014.187
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(29.638.662.203)	(65.374.104.514)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		17.634.229.770	1.874.426.179
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.744.070.473)	(11.808.424.807)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(37.450.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		23.570.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.239.101.073	5.075.480.370
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(13.384.969.400)	(6.732.944.437)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	7	(50.000.000)	(164.505.600)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.451.075.000)	(8.389.740.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.501.075.000)	(8.554.245.600)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(6.251.814.630)	(13.412.763.858)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		63.045.403.519	76.448.045.337
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		68.689.282	10.122.040
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		56.862.278.171	63.045.403.519

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ THU HOÀI

NGÔ THU HƯƠNG



TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN ĐỨC HỮU QUỲNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

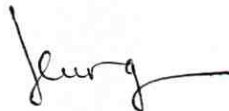
CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		204.549.193.523	142.696.095.123
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(91.076.747.540)	(58.712.580.093)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(39.515.957.159)	(37.020.587.119)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(5.511.014.356)	(3.763.291.284)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.677.955.285	40.112.625.538
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(54.489.199.983)	(81.437.835.986)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		17.634.229.770	1.874.426.179
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.744.070.473)	(11.808.424.807)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(37.450.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		23.570.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.239.101.073	5.075.480.370
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(13.384.969.400)	(6.732.944.437)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	7	(50.000.000)	(164.505.600)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(10.451.075.000)	(8.389.740.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.501.075.000)	(8.554.245.600)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(6.251.814.630)	(13.412.763.858)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		63.045.403.519	76.448.045.337
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		68.689.282	10.122.040
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		56.862.278.171	63.045.403.519

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC


NGUYỄN THỊ THU HOÀI

NGÔ THU HƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng Thủy Lợi II (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0300566614 ngày 29 tháng 12 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 28 tháng 11 năm 2015.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 42.000.000.000 VND

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 169 Trần Quốc Thảo, phường 9, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 257 (31/12/2014: 257).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Tư vấn, thiết kế và thi công xây dựng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan gồm: Lập dự án đầu tư xây dựng thủy lợi, thủy điện. Khảo sát xây dựng (bao gồm khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, môi trường, địa vật lý). Thí nghiệm đất, đá, nền móng, vật liệu, kết cấu xây dựng phục vụ thiết kế; kiểm tra chất lượng công trình. Kiểm định chất lượng công trình. Xác định nguyên nhân sự cố công trình. Thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện; lập tổng dự toán và dự toán công trình xây dựng. Thẩm tra dự án đầu tư; thẩm tra thiết kế; thẩm tra dự toán. Quản lý dự án. Nhận tổng thầu khảo sát thiết kế và quản lý dự án theo qui định của điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng. Xây dựng thực nghiệm các công trình thuộc đề tài nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, khoan, phụt xử lý nền và thân công trình. Tư vấn đấu thầu (thiết kế, xây lắp, mua sắm) công trình thủy lợi. Thiết kế, chế tạo, lắp đặt thiết bị quan trắc công trình thủy lợi, thủy điện. Khảo sát và đánh giá tác động môi trường của dự án xây dựng. Tư vấn xây dựng công trình: hạ tầng cơ sở, cầu, đường giao thông và các công trình khác kết hợp trong dự án thủy lợi, cấp thoát nước và khoan giếng khai thác nước ngầm. Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi: xây dựng và hoàn thiện. Tư vấn về vệ sinh môi trường. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông cầu, đường bộ, thiết kế kết cấu công trình thủy lợi, giám sát: xây dựng và hoàn thiện loại công trình: xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế quy hoạch xây dựng. Thiết kế kết cấu công trình cầu, đường bộ. Lập dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông. Đo đạc bản đồ.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Thi công xây dựng công trình thủy lợi, cấp thoát nước, xử lý nước thải, chống sạt lở đất, hạ tầng kỹ thuật nông thôn, giao thông có ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ. Đầu tư xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, cấp thoát nước, công trình ngầm dưới đất- nước, cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp, khu đô thị. Xây dựng công trình cầu, đường bộ và các công trình giao thông khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

- Hoạt động vui chơi giải trí: Tư vấn đầu tư xây dựng, kinh doanh khu du lịch sinh thái (không hoạt động tại trụ sở).
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Cho thuê mặt bằng, kho bãi, nhà xưởng. Kinh doanh nhà. Môi giới bất động sản. Kinh doanh bất động sản.
- Nuôi trồng thủy sản nội địa: Nuôi trồng thủy sản.
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Mua bán vật tư thiết bị ngành xây dựng.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có công ty liên doanh như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Phước Hòa	461, đường 30/4, Phường Phú Thọ, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	50%	50%	50%

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày 01/01 của năm và kết thúc vào ngày 31/12 của năm)

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong năm Công ty đã áp dụng các hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.1 dưới đây.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Áp dụng các Hướng dẫn kế toán mới

Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam sửa đổi theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (TT200).

TT200 yêu cầu trình bày lại thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa TT200 và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính. Do đó, Công ty đã thực hiện việc trình bày lại một số thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 để phù hợp với việc trình bày các số liệu của năm hiện hành như đã nêu tại mục 4.20.

4.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ"

4.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

4.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua. Khi mua hàng tồn kho nếu được nhận kèm thêm sản phẩm, hàng hóa, thiết bị, phụ tùng thay thế (phòng ngừa trường hợp hỏng hóc) thì xác định và ghi nhận riêng sản phẩm, phụ tùng thiết bị thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi chi phí mua của hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và giảm sút phẩm chất phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THÙY LỢI II

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

- Chi phí sửa chữa được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh

4.7. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2015</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm

4.8. Tài sản cố định vô hình

Ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

4.9. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THÙY LỢI II

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên doanh

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên doanh khi Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.11. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng phải trả được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

4.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.13. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày dưới đây.

Doanh thu của các công trình thủy lợi được ghi nhận khi phần công việc hoàn thành được nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.14. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể xác định một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

4.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.16. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

4.17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

4.18. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.20. Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC (TT200) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp:

Bảng cân đối kế toán (Trích):

	Đầu năm (Được báo cáo lại)	VND Đầu năm (Đã được báo cáo trước đây)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	19.300.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn khác	-	19.300.000.000
Các khoản phải thu khác	-	2.796.782.656
Phải thu ngắn hạn khác	36.363.179.467	-
Tài sản ngắn hạn khác	-	33.596.963.811
Phải thu về cho vay dài hạn	30.567.000	-
Phải thu dài hạn khác	32.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	-	32.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	Năm trước	VND Năm trước
	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.285	3.495

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi giữa TT200 và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Cuối năm	VND Đầu năm
Tiền mặt	7.619.742	793.386.082
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.391.170.568	3.644.017.437
Các khoản tương đương tiền	48.463.487.861	58.608.000.000
Cộng	<u>56.862.278.171</u>	<u>63.045.403.519</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn	43.450.000.000	43.450.000.000	19.300.000.000	19.300.000.000	

Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý	
Công ty Cổ phần Phước Hòa	60.000.000.000	60.000.000.000	-	60.000.000.000	

(Xem tiếp trang sau)



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 4 - CTCP	7.608.813.760	-
Công ty TNHH MTV 17	16.111.308.484	4.605.182.716
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	7.981.030.548	-
Phải thu khách hàng khác	17.225.732.256	22.905.944.065
Cộng	48.926.885.048	27.511.126.781

Trong đó, phải thu của khách hàng là các bên liên quan

– Xem thêm mục 8:

Công ty Cổ phần Phước Hòa	378.254.000	378.254.000
---------------------------	-------------	-------------

5.4. Phải thu ngắn hạn khác

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	156.046.149	-	2.332.576.950	-
Phải thu thanh toán khoán	763.102.635	-	2.749.558.866	-
Ký cược, ký quỹ	23.691.231.689	-	31.264.386.861	-
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	66.382.046	-	4.130.790	-
Phải thu khác	-	-	12.526.000	-
Cộng	24.676.762.519	-	36.363.179.467	-

5.5. Nợ xấu

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	16.111.110.386	5.942.764.646	9.642.553.019	1.937.177.699
Cộng	16.111.110.386	5.942.764.646	9.642.553.019	1.937.177.699

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Cuối năm			Đầu năm			VND
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	
Ban Quản lý Đầu Tư và Xây dựng Thủy Lợi 10	2.094.167.000	628.250.100	Từ 2 năm đến 3 năm	2.744.167.000	1.372.083.500	Từ 1 năm đến 2 năm	
Công ty CP Công trình Thương Mại và Giao Thông Vận Tải	4.520.990.000	3.164.693.000	Dưới 1 năm	-	-	-	
Các khách hàng khác (còn lại)	9.495.953.386	2.149.821.546	Từ 1 năm đến trên 3 năm	6.898.386.019	565.094.199	Từ 1 năm đến trên 3 năm	
Cộng	16.111.110.386	5.942.764.646		9.642.553.019	1.937.177.699		

5.6. Hàng tồn kho

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Công cụ, dụng cụ	276.915.850	-	224.459.381	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.255.916.075	-	26.706.826.405	-	-
Cộng	18.532.831.925	-	26.931.285.786	-	-

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	VND Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm	3.511.160.945	16.853.661.882	9.158.549.305	421.741.643	29.945.113.775
Mua trong năm	1.136.971.482	3.613.591.018	1.105.945.455		5.856.507.955
Số dư cuối năm	4.648.132.427	20.467.252.900	10.264.494.760	421.741.643	35.801.621.730
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số dư đầu năm	2.686.161.506	8.714.043.235	4.760.359.884	377.574.974	16.538.139.599
Khấu hao trong năm	79.887.736	2.673.836.380	1.286.280.035	9.999.996	4.050.004.147
Số dư cuối năm	2.766.049.242	11.387.879.615	6.046.639.919	387.574.970	20.588.143.746
Giá trị còn lại:					
Tại ngày đầu năm	824.999.439	8.139.618.647	4.398.189.421	44.166.669	13.406.974.176
Tại ngày cuối năm	1.882.083.185	9.079.373.285	4.217.854.841	34.166.673	15.213.477.984

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 9.251.979.694 đồng.

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

5.10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	11.519.114.067	11.519.114.067	4.382.131.806	4.382.131.806	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40	11.381.600.000	11.381.600.000	-	-	
Phải trả cho các đối tượng khác	9.434.679.465	9.434.679.465	8.792.511.431	8.792.511.431	
Cộng	32.335.393.532	32.335.393.532	13.174.643.237	13.174.643.237	

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Cuối năm	VND
	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm			
Thuế giá trị gia tăng	996.071.618	9.974.801.631	9.974.801.631	10.970.873.249	-	-		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.799.483.880	5.873.851.265	5.873.851.265	5.511.014.356	2.162.320.789	2.162.320.789		
Thuế thu nhập cá nhân	81.980.844	2.477.640.149	2.477.640.149	2.113.098.970	446.522.023	446.522.023		
Cộng	2.877.536.342	18.326.293.045	18.326.293.045	18.594.986.575	2.608.842.812	2.608.842.812		



Trần Văn Minh (19/11/1971)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THÙY LỢI II

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

5.12. Phải trả ngắn hạn khác

		VND
	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	51.448.700	200.821.907
Phải trả về cổ phần hóa	617.007.580	568.082.580
Phải trả thanh toán khoán	23.974.408.901	13.508.674.388
Các khoản phải trả, phải nộp khác	275.473.335	350.603.292
Cộng	<u>24.918.338.516</u>	<u>14.628.182.167</u>

5.13. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là khoản dự phòng bảo hành công trình do Công ty xây dựng

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

5.14. Vốn chủ sở hữu

5.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	Cộng	
Số dư đầu năm trước	42.000.000.000	15.302.435.094	3.491.980.244	11.759.710.629	72.554.125.967	
Lãi trong năm trước	-	-	-	14.677.543.824	14.677.543.824	
Trích lập quỹ	-	2.418.933.779	587.985.531	(3.359.710.629)	(352.791.319)	
Cổ tức	-	-	-	(8.400.000.000)	(8.400.000.000)	
Sử dụng quỹ	-	(47.325.000)	-	-	(47.325.000)	
Số dư đầu năm nay	42.000.000.000	17.674.043.873	4.079.965.775	14.677.543.824	78.431.553.472	
Lãi trong năm nay	-	-	-	20.411.336.782	20.411.336.782	
Trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	3.176.856.969	120.034.225	(3.296.891.194)	-	
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(880.652.630)	(880.652.630)	
Cổ tức	-	-	-	(10.500.000.000)	(10.500.000.000)	
Sử dụng quỹ	-	(25.085.000)	-	-	(25.085.000)	
Số dư cuối năm nay	42.000.000.000	20.825.815.842	4.200.000.000	20.411.336.782	87.437.152.624	

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THÙY LỢI II

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

5.14.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của nhà nước	4.500.000.000	4.500.000.000
Các đối tượng khác	37.500.000.000	37.500.000.000
Cộng	<u>42.000.000.000</u>	<u>42.000.000.000</u>

5.14.3. Cổ phiếu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.200.000	4.200.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng:	4.200.000	4.200.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành:	4.200.000	4.200.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

5.14.4. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu
Số dư đầu năm	17.674.043.873	4.079.965.775
Trích trong năm	3.176.856.969	120.034.225
Chi trong năm	(25.085.000)	-
Số dư cuối năm	<u>20.825.815.842</u>	<u>4.200.000.000</u>

5.15 Các khoản mục ngoài bảng

	Cuối năm	Đầu năm
Ngoại tệ các loại: USD	172.747,52	48.223,84

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	8.207.253.308	4.803.306.912
Doanh thu cung cấp dịch vụ	218.602.109.846	142.008.645.329
Cộng	<u>226.809.363.154</u>	<u>146.811.952.241</u>

6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	7.693.616.944	4.801.406.912
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	177.134.000.891	110.476.053.947
Cộng	<u>184.827.617.835</u>	<u>115.277.460.859</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THÙY LỢI II

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	5.239.101.073	5.075.480.370
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	68.689.282	10.122.040
Cộng	5.307.790.355	5.085.602.410

6.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	12.494.206.545	11.095.469.526
Chi phí vật liệu quản lý	457.778.521	536.430.092
Chi phí đồ dùng văn phòng	489.673.453	645.941.014
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.415.186.573	1.574.949.717
Thuế, phí và lệ phí	128.930.000	83.869.000
Chi phí dự phòng	2.462.970.420	521.037.796
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.923.582.483	2.783.176.032
Chi phí bằng tiền khác	632.019.632	481.940.695
Cộng	21.004.347.627	17.722.813.872

6.5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	39.498.226.138	26.464.075.022
Chi phí nhân công	64.399.774.037	61.572.616.492
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.050.004.147	2.691.955.947
Chi phí dự phòng	2.462.970.420	521.037.796
Chi phí dịch vụ mua ngoài	73.847.885.043	42.003.813.655
Chi phí khác bằng tiền	13.122.195.347	5.616.321.112
Cộng	197.381.055.132	138.869.820.024

6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	26.285.188.047	18.897.279.920
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	414.135.883	283.338.696
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	26.699.323.930	19.180.618.616
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	22%	22%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.873.851.265	4.219.736.096

Khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Là khoản tiền nợ gốc vay theo kế ước thông thường

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

Danh sách các bên liên quan

1. Công ty Cổ phần Phước Hòa
2. Th.s Bùi Hữu Quỳnh

Mối quan hệ

Công ty liên doanh
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc – Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng – Xem thêm mục 5.3 :		
Công ty Cổ phần Phước Hòa	378.254.000	378.254.000

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vay dài hạn – Xem thêm mục 5.9 :		
Công ty Cổ phần Phước Hòa	(54.027.758.440)	(54.077.758.440)

Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được chi tiết như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	276.000.000	204.000.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	4.892.000.000	4.171.500.000
Thù lao của Ban kiểm soát	114.000.000	78.000.000
Cộng	5.282.000.000	4.453.500.000

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THÙY LỢI II

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

10. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

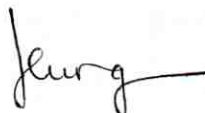
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 30 tháng 3 năm 2016.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ THU HOÀI

NGÔ THU HƯƠNG

TH.S BUI HỮU QUỲNH

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực... 037367-SC/BS
Ngày 17 tháng 10 năm 2016
Trưởng Phòng Tư Pháp Quận 3



Nguyễn Tấn Tài